TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH HÓA** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 -5 - 2024
"Về việc Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hồng Thuý;

2. Ông Hoàng Đức Thuỷ

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Việt Thuỳ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị C, sinh năm: 1978

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ hiện tại: TDP 3, T, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C kết hôn với anh N năm 2002, trước khi kết hôn có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường được thời gian đến khoảng năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn đỉnh điểm năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị C đề nghị Toà án cho ly hôn anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Phương L sinh năm 2004 và Nguyễn Thị O sinh 2003, đều đã trưởng thành, có gia đình riêng và khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Chị C xác định chị có 01 con riêng là Lương Văn B sinh ngày 09/3/2019, cháu B là con của chị với người đàn ông khác, không phải là con anh N. Hiện cháu B đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu B được thụ thai và sinh ra trong thời kỳ chị và anh N sống ly thân. Sau khi chị và anh N ly hôn chị C sẽ vẫn tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Lương Văn B, không yêu cầu anh N cấp dưỡng, không yêu cầu anh N phải có bất kỳ trách nhiệm gì với cháu B vì cháu B là con riêng của chị, không phải con anh N. Chị C không yêu cầu Toà án xác định cháu B là con riêng của chị hay xác nhận quan hệ cha con cho cháu B. Chị C không có bất kỳ yêu cầu đề nghị gì đối với con riêng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh N vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với anh N. Tại biên bản làm việc và bản tự khai anh N xác định: Về thời gian tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân như chị C trình bày là đúng. Anh N xác định vợ chồng kết hôn là tự nguyện. Đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị C xin ly hôn anh N không nhất trí.

- Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Phương L sinh năm 2004 và Nguyễn Thị O sinh 2003. Anh N xác định con chung đã trưởng thành có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Anh N xác định cháu Lương Văn B sinh ngày 09/3/2019 là con riêng chị C và người đàn ông khác, không phải con của anh. Chị C sinh cháu B trong thời gian anh N và chị C ly thân. Cháu B không phải con của chị C và anh N. Anh N

không biết bố đẻ cháu B là ai. Anh không có ý kiến gì đối với con riêng của chị C.

- Về tài sản chung: Anh N xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công nợ: Anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại đơn khởi kiện chị C khai vợ chồng có nợ ngân hàng chính sách nhưng trong quá trình giải quyết cả anh N, chị C đều xác định không còn nợ ngân hàng hay ai khác. Toà án đã tiến hành xác minh. Tại biên bản xác minh ngày 10/5/2024 Ngân hàng C1 – Phòng giao dịch huyện Đ xác định anh N và chị C đã trả hết nợ từ năm 2023. Đến nay anh N và chị C không còn nợ ngân hàng khoản tiền nào.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biể ý kiến về việc giải quyết vụ án đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, chị C được ly hôn anh N. Về con chung: Không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Chị C và anh N đều xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về khoản cho vay chung, khoản nợ chung: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do anh N có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lương Thị C và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết

hôn, có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị C và anh Nguyễn Văn N là hợp pháp. Nay chị C có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn N. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn N có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh N là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu sảy ra mâu thuẫn trong ăn, ở sinh hoạt hàng ngày. Chị C kiên quyết xin ly hôn, anh N không đồng ý. Chị C và anh N đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn đỉnh điểm và ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình ly thân anh N cũng không thuyết phục chị C về đoàn tụ, anh N cũng không đến Toà án tham gia tố tụng mà đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu xin ly hôn của chị C cần được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung xét thấy: Chị C và anh N có 02 con chung Nguyễn Thị Phương L sinh năm 2004 và Nguyễn Thị O sinh 2003. Con chung L và O đã trưởng thành, có gia đình riêng, có khả năng tự nuôi sống bản thân. Chị C và anh N đều không đề nghị Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Lương Văn B sinh ngày 09/03/2019. Hiện cháu B đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết chị C và anh N đều xác định cháu Lương Văn B được sinh ra năm 2019. Quá trình thụ thai cháu B và cháu B được sinh ra trong thời kỳ chị C và anh N ly thân. Chị C và anh N đã được giải thích quy định của pháp luật nhưng chị C và anh N đều không đồng ý cung cấp vật mẫu để giám định AND, không đồng ý giám định AND, không đồng ý nộp tiền tạm ứng chi phí giám định để thực hiện việc giám định giữa cháu B và anh N hay giữa cháu B và bố đẻ cháu B. Chị C không đồng ý cung cấp thông tin bố đẻ cháu B. Chị C, anh N đều không đề nghị Toà án xác nhận quan hệ cha con cho cháu B, cũng không có bất kỳ yêu cầu đề nghị gì, không đề nghị đưa thêm ai vào tham gia tố tụng, không yêu cầu Toà án xác định cháu Lương Văn B là con riêng của chị

C. Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu B vẫn đang được học hành đầy đủ. Và do chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho trẻ em Chị Lương Thị C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng hay có bất kỳ trách nhiệm gì với cháu B. Anh N không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi cháu B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị C và anh N xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về công nợ: Chị C và anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo heo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; 144; 147; 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị C. Chị Lương Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị Lương Thị C và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung:

Con chung Nguyễn Thị Phương L sinh năm 2004 và Nguyễn Thị O sinh 2003 đã trưởng thành, có gia đình riêng, có khả năng tự nuôi sống bản thân. Hội đồng xét xử không xem xét.

3.Chị Lương Thị C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Văn B sinh 09/3/2019 là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Thị C phải chịu 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006189 ngày 03/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND TT Chợ Chu;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thu Vân